| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.** |

Bản án số: 14 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân- Cán bộ hưu trí
2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương- Cán bộ hưu trí

*Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Vũ Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2017/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX ST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1979; trú tại: Kiệt 171 Nguyễn Lộ Tr, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn T sinh năm 1972; trú tại: Kiệt 171 Nguyễn Lộ Tr, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017 của chị Nguyễn Thị Mỹ L và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hồ Văn T kết hôn tự nguyện, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh Tuấn, chị Linh đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Phú, thành phố Huế ngày 26/3/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng có xây dựng ngôi nhà trên đất của cha mẹ anh T để sinh sống tại kiệt 171 Nguyễn Lộ Trạ, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh ThừaThiên Huế. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh Tuấn thường xuyên uống bia rượu, say sưa, la mắng, chửi

bới chị L và con cái nhiều lần, làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của chị và các con. Mặc dù vợ chồng vẫn chung sống trong một nhà nhưng chị L và anh T không hề quan tâm chăm sóc nhau đã 4 năm nay,việc ai người nấy làm. Anh Tkhông có trách nhiệm với con cái. Do vợ chồng sống không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn.

Về nuôi con chung: Chị L anh T chung sống vợ chồng có 2 con chung là Hồ Bảo Ph, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Bảo P, sinh ngày 20/10/2008. Nguyện vọng của hai cháu P, Pxin ở với chị nên khi ly hôn chị L xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến thành niên. Tại bản tự khai chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi hai con 3.000.000đồng/ tháng. Nhưng tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con vì lương chị làm lương ổn định một tháng khoảng 6.000.000 đồng và gia đình chị cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị về chỗ ở ổn định để chị đảm bảo nuôi hai con.

Về tài sản chung: Chị L xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác nhận chị và anh T chung sống không có nợ chung.

Về phía bị đơn (anh Hồ Văn T): Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T cố tình vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh Tuấn đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Tuấn vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xử cho chị L ly hôn anh T và giao hai con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Hồ Văn T lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hồ Văn T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Ph, thành phố Huế vào ngày 26/3/2004 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu bia, say sưa, la mắng, chửi bới chị L và con cái nhiều lần làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị cũng như con cái. Chị L và anh T đã không quan tâm, chăm sóc nhau 04 năm nay nên chị không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh không đến, chứng tỏ anh T không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về phía gia đình cũng xác nhận vợ chồng anh T, chị L xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu bia rượu say sưa, la mắng chị L và con cái nhiều lần. Và phía chính quyền địa phương xác nhận chị L và anh T sống rất khép kín, ít qua lại nên địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn của hai vợ chồng.

Do tình trạng hôn nhân của anh T, chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh T là có đủ cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị L có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi hai con chung đến thành niên đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị L có việc làm ổn định, thu nhập 6.000.000đồng /tháng, cháu P và cháu P cũng có nguyện vọng ở với chị L và gia đình chị cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị về chỗ ở ổn định nên giao hai con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Chị L không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị L xác nhận chị và anh T chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng theo quy định pháp luật.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Tuyên xử:**

-Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hồ Văn T

-Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Bảo P, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Bảo P sinh ngày 20/10/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng đến thành niên đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Chị L xác nhận chị và anh Ttự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác nhận chị và anh Tchung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng tại biên lai thu số AA/2013/ 003068 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sư, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
-UBND P Xuân Phú, Huế;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Tuyết Linh**

=